

Số: **874**/QĐ-UBND

Quảng Ngãi, ngày **22** tháng 9 năm 2021

QUYẾT ĐỊNH

**Về việc phê duyệt nhiệm vụ khảo sát, nhiệm vụ quy hoạch
và dự toán chi phí lập Điều chỉnh Quy hoạch chung
thị trấn Di Lăng, huyện Sơn Hà**

ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH QUẢNG NGÃI

Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 19/6/2015; Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Tổ chức Chính phủ và Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 22/11/2019;

Căn cứ Luật Quy hoạch đô thị ngày 17/6/2009;

Căn cứ Luật số 35/2018/QH14 ngày 20/11/2018 sửa đổi, bổ sung một số điều của 37 Luật có liên quan đến quy hoạch;

Căn cứ Nghị định số 37/2010/NĐ-CP ngày 07/4/2010 của Chính phủ về lập, thẩm định, phê duyệt và quản lý quy hoạch đô thị;

Căn cứ Nghị định số 72/2019/NĐ-CP ngày 30/8/2019 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 37/2010/NĐ-CP ngày 07/4/2010 của Chính phủ về lập, thẩm định, phê duyệt và quản lý quy hoạch đô thị và Nghị định số 44/2015/NĐ-CP ngày 06/5/2015 của Chính phủ quy định chi tiết một số nội dung về quy hoạch xây dựng;

Căn cứ Nghị định số 27/2019/NĐ-CP ngày 13/3/2019 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều của Luật Đo đạc và Bản đồ;

Căn cứ Nghị định số 15/2021/NĐ-CP ngày 03/3/2021 của Chính phủ quy định chi tiết một số nội dung về quản lý đầu tư xây dựng;

Căn cứ Thông tư số 12/2016/TT-BXD ngày 29/6/2016 của Bộ trưởng Bộ Xây dựng quy định về hồ sơ nhiệm vụ và đồ án Quy hoạch xây dựng vùng, quy hoạch đô thị và quy hoạch khu chức năng;

Căn cứ Thông tư số 09/2019/TT-BXD ngày 26/12/2019 của Bộ trưởng Bộ Xây dựng hướng dẫn xác định, quản lý chi phí đầu tư xây dựng;

Căn cứ Thông tư số 10/2019/TT-BXD ngày 26/12/2019 của Bộ trưởng Bộ Xây dựng ban hành định mức xây dựng;

Căn cứ Thông tư số 16/2019/TT-BXD ngày 26/12/2019 của Bộ trưởng Bộ Xây dựng hướng dẫn xác định chi phí quản lý dự án và tư vấn đầu tư xây dựng;

Căn cứ Thông tư số 20/2019/TT-BXD ngày 31/12/2019 của Bộ trưởng Bộ Xây dựng hướng dẫn xác định, quản lý chi phí quy hoạch xây dựng và quy hoạch đô thị;

Căn cứ Thông tư số 02/2020/TT-BXD ngày 20/7/2020 của Bộ trưởng Bộ Xây dựng sửa đổi, bổ sung một số điều của 04 Thông tư có liên quan đến quản lý chi phí đầu tư xây dựng;

Căn cứ Quyết định số 481/QĐ-UBND ngày 11/8/2020 của UBND tỉnh về việc Công bố Bảng giá ca máy và thiết bị thi công xây dựng trên địa bàn tỉnh Quảng Ngãi;

Căn cứ Quyết định số 310/QĐ-UBND ngày 22/9/2015 của UBND tỉnh về việc phê duyệt Quy hoạch chung thị trấn Di Lăng, huyện Sơn Hà, tỉnh Quảng Ngãi, tỉnh Quảng Ngãi;

Căn cứ Quyết định số 191/QĐ-UBND ngày 02/4/2021 của UBND tỉnh về việc phân khai kinh phí vốn sự nghiệp thực hiện các nhiệm vụ quy hoạch năm 2021;

Theo đề nghị của UBND huyện Sơn Hà tại Tờ trình số 59/TTr-UBND ngày 13/8/2021 và Công văn số 1078/UBND-KT ngày 13/8/2021; đề xuất của Giám đốc Sở Xây dựng tại Báo cáo thẩm định số 637/BCTĐ-SXD ngày 15/9/2021.

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Phê duyệt nhiệm vụ khảo sát, nhiệm vụ quy hoạch và dự toán chi phí lập Điều chỉnh Quy hoạch chung thị trấn Di Lăng, huyện Sơn Hà, với những nội dung chủ yếu như sau:

1. Tên dự án: Điều chỉnh Quy hoạch chung thị trấn Di Lăng, huyện Sơn Hà, tỉnh Quảng Ngãi.

2. Nhiệm vụ khảo sát:

a) Mục đích khảo sát: Công tác đo vẽ bản đồ địa hình tỷ lệ 1/5.000, đường đồng mức 2m nhằm cung cấp tài liệu phục vụ cho việc lập Điều chỉnh Quy hoạch chung thị trấn Di Lăng, huyện Sơn Hà.

b) Phạm vi khảo sát xây dựng: Diện tích đo vẽ bản đồ địa hình TL 1/5000 khoảng 2.210 ha; diện tích đo vẽ mới là 1.390 ha, đo vẽ chỉnh lý 820 ha và tận dụng bản đồ địa hình lập quy hoạch chi tiết TL 1/500 là 150 ha.

- Về lưới khống chế mặt bằng, độ cao: Tận dụng 03 mốc đường chuyên hạng IV của quy hoạch cốt nền, thoát nước mưa tỉnh Quảng Ngãi do Sở Xây dựng bàn giao cho huyện Sơn Hà (theo bảng thống kê dưới) và 08 mốc hạng IV của hồ sơ khảo sát lập đồ án Quy hoạch chung thị trấn Di Lăng (phê duyệt năm 2015) và các mốc trắc địa đã đo đạc địa hình của huyện nằm trong ranh giới của đồ án quy hoạch này.

Tên mốc	X	Y	Z
SH-SC1	1663550,421	550398,874	69,247
SH-SC2	1662984,082	550922,899	61,904
SH-SC3	1664849,979	551076,772	68,523

- Về diện tích đo vẽ chỉnh lý bản đồ địa hình TL 1/5.000 khoảng 820 ha, đơn giá đo chỉnh lý tạm tính bằng 60% đơn giá khảo sát. Khi triển khai lập phương án khảo sát, nhà thầu khảo sát có trách nhiệm kiểm tra, thống kê các bản đồ đo đạc hiện trạng đã có trong khu vực quy hoạch để thiết kế lại lưới đường chuyền, tính toán lại diện tích đo vẽ để điều chỉnh lại dự toán nếu có.

c) Khối lượng khảo sát:

TT	Nội dung công việc	ĐVT	Khối lượng thẩm định
I	Lưới khống chế mặt bằng	điểm	96
1	Công tác đo lưới khống chế mặt bằng, đường chuyền cấp 1, Bộ thiết bị GPS (3 máy), địa hình cấp IV	điểm	22
2	Công tác đo lưới khống chế mặt bằng, đường chuyền cấp 1, Bộ thiết bị GPS (3 máy), địa hình cấp III	điểm	10
3	Công tác đo lưới khống chế mặt bằng, đường chuyền cấp 2, Bộ thiết bị GPS (3 máy), địa hình cấp IV	điểm	45
4	Công tác đo lưới khống chế mặt bằng, đường chuyền cấp 2, Bộ thiết bị GPS (3 máy), địa hình cấp III	điểm	19
II	Thủy chuẩn	km	40
1	Công tác đo khống chế cao, thủy chuẩn kỹ thuật, cấp địa hình IV	km	20
2	Công tác đo khống chế cao, thủy chuẩn kỹ thuật, cấp địa hình III	km	20
III	Đo vẽ bản đồ địa hình	100ha	22,1
1	Đo vẽ chi tiết bản đồ địa hình trên cạn bằng máy toàn đạc điện tử và máy thủy bình điện tử; bản đồ tỷ lệ 1/5.000, đường đồng mức 2m, cấp địa hình III	100ha	9,73
2	Đo vẽ chi tiết bản đồ địa hình trên cạn bằng thiết bị đo GPS và máy thủy bình điện tử; bản đồ tỷ lệ 1/5.000, đường đồng mức 2m, cấp địa hình II	100ha	4,17
3	Đo vẽ chi tiết bản đồ địa hình trên cạn bằng máy toàn đạc điện tử và máy thủy bình điện tử; bản đồ tỷ lệ 1/5.000, đường đồng mức 2m, cấp địa hình III (đo chỉnh lý - Đơn giá tạm tính bằng 60%)	100ha	5,74
4	Đo vẽ chi tiết bản đồ địa hình trên cạn bằng thiết bị đo GPS và máy thủy bình điện tử; bản đồ tỷ lệ 1/5.000, đường đồng mức 2m, cấp địa hình II (đo chỉnh lý - Đơn giá tạm tính bằng 60%)	100ha	2,46

3. Nhiệm vụ quy hoạch

a) Quy mô, phạm vi ranh giới lập quy hoạch

- Quy mô nghiên cứu lập Điều chỉnh Quy hoạch chung thị trấn Di Lăng,

huyện Sơn Hà gồm toàn bộ diện tích tự nhiên thị trấn Di Lăng, huyện Sơn Hà khoảng 5.676,9 ha. Giới cận như sau:

- + Phía Đông: giáp xã Sơn Thành.
- + Phía Tây: giáp xã Sơn Bao.
- + Phía Nam: giáp xã Sơn Trung, xã Sơn Thượng.
- + Phía Bắc: giáp xã Trà Bùi và xã Trà Tây, huyện Trà Bồng.
- Tỷ lệ lập quy hoạch: 1/5.000.
- Thời hạn lập quy hoạch:
 - + Giai đoạn ngắn hạn: Đến năm 2030.
 - + Giai đoạn dài hạn: Đến năm 2035.

b) Tính chất:

- Là trung tâm hành chính - chính trị, kinh tế, văn hoá - xã hội của huyện Sơn Hà.
- Là đầu mối giao thông quan trọng, trung tâm kinh tế, văn hóa, xã hội của tiểu vùng kinh tế phía Tây tỉnh Quảng Ngãi, được quy hoạch xây dựng theo tiêu chuẩn đô thị loại IV.

c) Mục tiêu, nhiệm vụ quy hoạch:

c.1) Mục tiêu:

- Cụ thể hóa Định hướng tổng thể phát triển kinh tế - xã hội tỉnh Quảng Ngãi nói chung và định hướng phát triển kinh tế - xã hội huyện Sơn Hà nói riêng; cụ thể hóa quy hoạch xây dựng vùng huyện Sơn Hà; xác lập ranh giới mở rộng thị trấn Di Lăng nhằm phù hợp với các mục tiêu phát triển đô thị trong tương lai.
- Làm cơ sở pháp lý cho việc triển khai các đồ án quy hoạch chi tiết, quản lý các dự án đầu tư xây dựng, quản lý quá trình cấp phép, xây dựng và phát triển đô thị.
- Tạo động lực thu hút đầu tư, khai thác các lợi thế của khu vực để phát triển kinh tế - xã hội bền vững.

c.2) Nhiệm vụ quy hoạch:

- Rà soát, đánh giá hiện trạng phát triển đô thị và nhu cầu thực tế tại địa phương.
- Rà soát, đánh giá những tồn tại, bất cập của đồ án Quy hoạch chung thị trấn Di Lăng, huyện Sơn Hà đã phê duyệt năm 2015, xác định rõ những vấn đề cần điều chỉnh, bổ sung cho phù hợp.
- Cập nhật, kết nối và đánh giá các đồ án quy hoạch, dự án liên quan đã phê duyệt, đang và sắp triển khai có liên quan đến khu vực quy hoạch.
- Xác định mục tiêu, động lực phát triển, quy mô dân số, đất đai, chỉ tiêu về hạ tầng xã hội, hạ tầng kỹ thuật của đô thị; tổ chức không gian đô thị, quy hoạch công trình hạ tầng xã hội, hệ thống công trình hạ tầng kỹ thuật, đánh giá môi trường chiến lược; kế hoạch ưu tiên đầu tư và nguồn lực thực hiện.

d) Các chỉ tiêu kinh tế - kỹ thuật chủ yếu:

TT	Hạng mục	Đơn vị	Chỉ tiêu
A	QUY MÔ DÂN SỐ		
	- Giai đoạn đến năm 2030	người	14.000
	- Giai đoạn đến năm 2035	người	16.000
B	SỬ DỤNG ĐẤT		
I	Đất dân dụng đô thị	m²/người	≤100
	- Đất đơn vị ở	m ² /người	≤80
	- Đất công trình dịch vụ - công cộng	m ² /người	≥3
	- Đất cây xanh	m ² /người	≥5
	- Đất giao thông	km/km ²	6,5-8,0
II	Hạ tầng xã hội thiết yếu cấp đô thị		
1	Giáo dục		
	- Trường Phổ thông trung học	hs/1000 dân	40
		m ² /học sinh	10
2	Y tế	giường/1000 người	4
		m ² /giường	100
3	Trung tâm Văn hóa - thể thao	m ² /người	0,8
		ha/công trình	3
4	Chợ	ha/công trình	1
5	Các công trình hạ tầng xã hội thiết yếu khác	Đảm bảo đáp ứng quy định QCVN 01: 2021/BXD	
III	Hạ tầng kỹ thuật		
1	Giao thông		
-	Tỷ lệ đất giao thông/diện tích đất xây dựng đô thị (cấp đường khu vực)	%	≥13
2	Chỉ tiêu cấp nước		
-	Sinh hoạt	l/ng.ng.đ	≥ 100 (≥ 120 dài hạn)
3	Chỉ tiêu cấp điện		
-	Sinh hoạt	kwh/ng.năm	≥ 400 (≥ 1000 dài hạn)
-	Công cộng (tính bằng % phụ tải điện sinh hoạt)	%	30
4	Lượng nước thải		
-	Sinh hoạt (tỷ lệ nước cấp)	%	≥80
5	Lượng rác thải	Kg/người.ngày	0,9 (tỷ lệ thu gom ≥ 90%)
6	Nghĩa trang	ha/1000 dân	≥0,04

e) Các nội dung chủ yếu cần nghiên cứu

e.1) Phân tích, đánh giá điều kiện tự nhiên và hiện trạng về kinh tế - xã hội, dân số, lao động, văn hóa, sử dụng đất, cơ sở hạ tầng kỹ thuật, hạ tầng xã hội, môi trường, hệ thống thủy lợi, ngập úng, lũ lụt và những yếu tố đặc thù của khu vực.

e.2) Đánh giá tình hình triển khai thực hiện các quy hoạch, các dự án đã có, đang còn hiệu lực; xác định, làm rõ các định hướng trong quy hoạch ngành có liên quan.

e.3) Xác định mục tiêu, động lực phát triển của khu chức năng; dự báo về dân số, lao động, quy mô đất xây dựng, các chỉ tiêu về hạ tầng xã hội, hạ tầng kỹ thuật theo từng giai đoạn, tuân thủ theo các chiến lược phát triển kinh tế - xã hội, quy hoạch quốc gia, quy hoạch vùng, quy hoạch tỉnh.

e.4) Định hướng quy hoạch sử dụng đất, xác định phạm vi, quy mô, các chỉ tiêu sử dụng đất trong khu chức năng theo yêu cầu phát triển từng giai đoạn.

e.5) Định hướng phát triển không gian:

- Hướng phát triển đô thị.
- Xác định phạm vi, quy mô các khu chức năng của đô thị: Khu chỉnh trang, cải tạo, khu bảo tồn, khu phát triển mới, khu cấm xây dựng, các khu dự trữ phát triển.
- Xác định chỉ tiêu về mật độ dân cư, chỉ tiêu sử dụng đất quy hoạch đô thị, định hướng và nguyên tắc phát triển đối với từng khu chức năng.
- Xác định trung tâm hành chính, trung tâm thương mại, dịch vụ, trung tâm công cộng, công viên cây xanh và không gian mở của đô thị.
- Định hướng tổ chức không gian, kiến trúc, cảnh quan cho các khu chức năng của đô thị, trục không gian chính.

e.6) Định hướng hạ tầng kỹ thuật:

- Phân lưu vực tiêu thoát nước chính; hướng thoát nước; vị trí, quy mô các công trình tiêu thoát nước; xác định cốt xây dựng cho toàn khu và từng phân khu chức năng.
- Xác định mạng lưới giao thông đối ngoại, giao thông đối nội; vị trí và quy mô các công trình đầu mối giao thông; tổ chức hệ thống giao thông công cộng và hệ thống bến, bãi đỗ xe; xác định chỉ giới đường đỏ các trục chính và hệ thống hào, tuynel kỹ thuật (nếu có).
- Tính toán nhu cầu và xác định nguồn cung cấp nước, năng lượng (điện, khí đốt); dự báo tổng lượng nước thải, chất thải rắn; xác định vị trí, quy mô công trình đầu mối và mạng lưới truyền tải, phân phối chính của hệ thống cấp nước, năng lượng và chiếu sáng, hạ tầng viễn thông thụ động, thoát nước và công trình xử lý nước thải.
- Xác định vị trí, quy mô cơ sở xử lý chất thải rắn, nghĩa trang và các công trình hạ tầng kỹ thuật khác.

e.7) Đánh giá môi trường chiến lược theo các nội dung sau:

- Đánh giá hiện trạng:

+ Về môi trường tự nhiên đô thị về điều kiện khí tượng thủy văn, hệ sinh thái, địa chất, xói mòn đất; khai thác và sử dụng tài nguyên, thay đổi khí hậu.

+ Về chất lượng nguồn nước, không khí, chất thải rắn, nước thải, tiếng ồn.

+ Về các vấn đề dân cư, xã hội, văn hoá và di sản.

- Phân tích, dự báo những tác động tích cực và tiêu cực ảnh hưởng đến phát triển kinh tế - xã hội và môi trường đô thị; đề xuất hệ thống tiêu chí bảo vệ môi trường để đưa ra các giải pháp về định hướng phát triển không gian và hạ tầng kỹ thuật tối ưu.

- Đề ra các giải pháp tổng thể phòng ngừa, giảm thiểu, khắc phục tác động và rủi ro đối với dân cư; hệ sinh thái tự nhiên; nguồn nước, không khí, tiếng ồn khi triển khai thực hiện quy hoạch đô thị.

- Lập chương trình, kế hoạch giám sát môi trường về kỹ thuật, quản lý và quan trắc môi trường.

e.8) Đề xuất các dự án ưu tiên đầu tư và nguồn lực thực hiện.

e.9) Định hướng phát triển không gian đô thị và hạ tầng kỹ thuật theo các giai đoạn được thể hiện trên bản đồ tỷ lệ 1/5.000.

f) Danh mục, số lượng hồ sơ và sản phẩm

Thực hiện theo Thông tư số 12/2016/TT-BXD ngày 29/06/2016 của Bộ trưởng Bộ Xây dựng về quy định hồ sơ của nhiệm vụ và đồ án quy hoạch xây dựng vùng, quy hoạch đô thị và quy hoạch xây dựng khu chức năng; Thông tư số 06/2013/TT-BXD ngày 13/5/2013 của Bộ trưởng Bộ Xây dựng hướng dẫn về nội dung thiết kế đô thị; Thông tư số 16/2013/TT-BXD ngày 16/10/2013 của Bộ trưởng Bộ Xây dựng hướng dẫn về sửa đổi bổ sung một số điều của Thông tư số 06/2013/TT-BXD; bao gồm:

f.1) Thành phần bản vẽ:

- Sơ đồ vị trí và liên hệ vùng: Thể hiện các mối quan hệ giữa đô thị và vùng có liên quan về kinh tế - xã hội; Điều kiện địa hình, các vùng có ảnh hưởng lớn đến không gian, kiến trúc cảnh quan trong khu quy hoạch; hạ tầng kỹ thuật đầu mối và các vấn đề khác tác động đến sự phát triển của khu chức năng. Thể hiện theo tỷ lệ thích hợp.

- Các bản đồ hiện trạng gồm: Hiện trạng sử dụng đất, kiến trúc cảnh quan và hạ tầng xã hội, giao thông, cao độ nền và thoát nước mưa, cung cấp năng lượng, viễn thông, thoát nước thải, quản lý chất thải rắn và nghĩa trang. Thể hiện trên nền bản đồ địa hình tỷ lệ 1/5.000.

- Bản đồ đánh giá tổng hợp và lựa chọn đất xây dựng: Xác định các khu vực thuận lợi, ít thuận lợi, không thuận lợi cho phát triển; xác định các vùng cấm, hạn chế phát triển trong khu chức năng. Thể hiện trên nền bản đồ địa hình tỷ lệ 1/5.000.

- Sơ đồ cơ cấu phát triển đô thị (các sơ đồ phân tích hiện trạng và đề xuất các phương án kèm theo thuyết minh nội dung về tiêu chí xem xét, lựa chọn các phương án).

- Sơ đồ định hướng phát triển không gian: Xác định cấu trúc phát triển không gian khu quy hoạch theo các khu vực chức năng; nhấn mạnh các không gian công cộng, các trục chính, không gian mở, quảng trường, công viên, mặt nước; các liên kết về giao thông và hạ tầng kỹ thuật giữa các khu vực. Thể hiện trên nền bản đồ địa hình tỷ lệ 1/5.000.

- Bản đồ quy hoạch sử dụng đất: Xác định các khu vực theo cấu trúc không gian và chức năng sử dụng đất; đề xuất các thông số kinh tế - kỹ thuật chính, các chỉ tiêu sử dụng đất của từng khu vực. Thể hiện trên nền bản đồ địa hình tỷ lệ 1/5.000.

- Các bản đồ định hướng phát triển hạ tầng kỹ thuật: Giao thông, cao độ nền và thoát nước mưa, cung cấp năng lượng, viễn thông, cấp nước, thoát nước bẩn, quản lý chất thải và nghĩa trang. Thể hiện trên nền bản đồ địa hình tỷ lệ 1/5.000.

- Các bản vẽ thiết kế đô thị theo quy định.

- Các bản vẽ về đánh giá môi trường chiến lược: Hiện trạng và đánh giá môi trường chiến lược. Thể hiện trên nền bản đồ địa hình theo tỷ lệ thích hợp.

f.2) Thuyết minh: Nội dung thuyết minh của đồ án quy hoạch đô thị bao gồm:

- Phân tích, đánh giá hiện trạng Điều kiện tự nhiên, dân số, sử dụng đất, không gian kiến trúc cảnh quan đô thị, hạ tầng xã hội, hạ tầng kỹ thuật và môi trường; đánh giá công tác quản lý, thực hiện theo quy hoạch đã được phê duyệt; xác định các vấn đề cơ bản cần giải quyết trong đồ án.

- Xác định Mục tiêu, tính chất và động lực phát triển đô thị.

- Lựa chọn các chỉ tiêu kinh tế - kỹ thuật áp dụng trong đồ án.

- Dự báo về kinh tế - xã hội, tỷ lệ đô thị hóa, quy mô dân số, đất đai, hạ tầng kỹ thuật và hạ tầng xã hội.

- Định hướng phát triển không gian đô thị gồm hướng phát triển và cải tạo đô thị; phạm vi, quy mô các khu chức năng của đô thị; xác định các trung tâm, công viên cây xanh, quảng trường trung tâm và không gian mở của đô thị; tổ chức không gian, kiến trúc, cảnh quan cho các khu chức năng của đô thị, trục không gian chính.

- Định hướng phát triển hệ thống kết cấu hạ tầng thương mại, văn hóa, giáo dục, y tế, thể thao, đào tạo; hệ thống công viên cây xanh, không gian công cộng và quảng trường đô thị.

- Thiết kế đô thị theo quy định của Bộ Xây dựng tại Thông tư số 06/2013/TT-BXD.

- Định hướng quy hoạch sử dụng đất đô thị theo các giai đoạn quy hoạch.

- Định hướng phát triển hạ tầng kỹ thuật đô thị gồm giao thông, cao độ nền và thoát nước mưa, cung cấp năng lượng, viễn thông, cấp nước, thoát nước bẩn, quản lý chất thải và nghĩa trang.

- Đánh giá môi trường chiến lược: Nội dung theo quy định tại Khoản 7 Điều 15 Nghị định số 37/2010/NĐ-CP.

- Kinh tế đô thị: Luận cứ xác định danh Mục các chương trình, dự án ưu tiên đầu tư theo các giai đoạn quy hoạch; đề xuất, kiến nghị nguồn lực thực hiện.

Thuyết minh đồ án quy hoạch chung đô thị phải có bảng biểu thống kê, phụ lục tính toán, hình ảnh minh họa và hệ thống sơ đồ, bản vẽ thu nhỏ khổ A3 với ký hiệu và ghi chú rõ ràng, được sắp xếp kèm theo nội dung cho từng phần của thuyết minh liên quan.

f.3) Phụ lục kèm theo thuyết minh (các giải trình, giải thích, luận cứ bổ sung cho thuyết minh; bản vẽ minh họa; các số liệu tính toán). Phụ lục đính kèm văn bản pháp lý liên quan.

f.4) Quy định quản lý theo đồ án quy hoạch chung xây dựng khu chức năng: Nội dung theo quy định tại Khoản 1 Điều 35 Luật Quy hoạch đô thị và phải có các bản vẽ thu nhỏ kèm theo.

f.5) Dự thảo Tờ trình và dự thảo Quyết định phê duyệt đồ án quy hoạch.

f.6) Đĩa CD lưu trữ toàn bộ hồ sơ đồ án quy hoạch bao gồm thuyết minh, bản vẽ và Quy định quản lý theo đồ án quy hoạch.

g) Tiến độ thực hiện: tối đa 12 tháng kể từ ngày ký kết hợp đồng tư vấn.

h) Dự toán thực hiện: **3.143.496.000 đồng.**

(Bằng chữ: Ba tỷ, một trăm bốn ba triệu, bốn trăm chín sáu ngàn đồng)

Trong đó:

- Chi phí lập đồ án quy hoạch: 972.804.000 đồng.

- Chi phí khảo sát (cả dự phòng): 1.396.527.000 đồng.

- Chi phí cắm mốc giới quy hoạch: 540.654.000 đồng.

- Chi phí khác: 233.511.000 đồng.

i) Nguồn kinh phí: Ngân sách tỉnh.

Điều 2. Tổ chức thực hiện

1. Giao Sở Xây dựng chịu trách nhiệm thực hiện chức năng quản lý nhà nước về công tác xây dựng cơ bản, thực hiện quy hoạch xây dựng theo thẩm quyền.

2. Giao UBND huyện Sơn Hà chịu trách nhiệm:

- Chính sửa, hoàn thiện nhiệm vụ quy hoạch và dự toán theo ý kiến thẩm định của Sở Xây dựng.

- Triển khai lập Điều chỉnh Quy hoạch chung thị trấn Di Lăng, huyện Sơn Hà theo đúng nhiệm vụ quy hoạch được phê duyệt và quy định hiện hành của nhà nước.

Điều 3. Quyết định này có hiệu lực thi hành kể từ ngày ký.

Điều 4. Chánh Văn phòng UBND tỉnh; Giám đốc các Sở: Xây dựng, Giao thông vận tải, Tài nguyên và Môi trường, Kế hoạch và Đầu tư, Tài chính, Nông nghiệp và Phát triển nông thôn, Công Thương, Văn hoá, Thể thao và Du lịch; Giám đốc Kho bạc Nhà nước Quảng Ngãi; Chủ tịch UBND huyện Sơn Hà và Thủ trưởng các cơ quan, đơn vị có liên quan chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này./.

Nơi nhận:

- Như Điều 4;
- Thường trực Tỉnh ủy (b/cáo);
- Thường trực HĐND tỉnh;
- CT, PCT UBND tỉnh;
- TT Huyện ủy và HĐND huyện Sơn Hà;
- VPUB: PCVP, các P.n/cứu, CBTH;
- Lưu: VT, CNXD.npb.294.

**TM. ỦY BAN NHÂN DÂN
CHỦ TỊCH**



Đặng Văn Minh